

QUAN HỆ MỸ - PAKISTAN SAU SỰ KIỆN 11/9

Nguyễn Khánh Vân*

Quan hệ Mỹ - Pakistan là mối quan hệ có lịch sử lâu dài và đầy thăng trầm. Kể từ thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Pakistan được xem như một đồng minh then chốt của Mỹ ở Trung Á với vai trò cung cấp cơ sở cho các hoạt động quân sự của Mỹ, tham gia vào các hoạt động chống khủng bố ở Afghanistan và Pakistan, đồng thời là trung gian trong quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc. Tuy nhiên, sau khi Chiến tranh Lạnh chấm dứt, tính chất chiến lược trong mối quan hệ của Mỹ với Pakistan đã mất đi. Thậm chí, trong những năm 1990, việc Pakistan tuyên bố chương trình hạt nhân và tiến hành các thử nghiệm hạt nhân đã vấp phải một lần sóng những lệnh trừng phạt từ Washington. Đầu thế kỷ XXI, người ta lại chứng kiến một giai đoạn hợp tác mới trong quan hệ Mỹ - Pakistan. Cuộc tấn công ngày 11/9/2001 vào nước Mỹ đã khiến Pakistan một lần nữa trở thành đồng minh của Mỹ trong cuộc chiến chống lại chủ nghĩa khủng bố. Những nội dung dưới đây sẽ đề cập cụ thể hơn về mối quan hệ Mỹ - Pakistan trong giai đoạn mới này.

1. Chuyển hướng quan hệ Mỹ Pakistan dưới thời G. W. Bush.

Sự chuyển hướng sau ngày 11/9.

Đúng như tính chất thăng trầm của mối quan hệ, một lần nữa “kỷ nguyên vàng” đã quay trở lại trong quan hệ giữa Mỹ và Pakistan sau ngày 11/9. Chính quyền Bush tin rằng không thể tiến hành các hoạt động tại Afghanistan, cũng như loại bỏ Taliban mà không có sự trợ giúp của Pakistan, không chỉ vì đất nước này chiếm một vị trí địa chính trị then chốt, mà còn bởi những liên hệ mật thiết của Pakistan trong giới Hồi giáo. Ngày 13/9/2001, Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Richard Armitage đã chuyển cho Đại sứ Pakistan tại Hoa Kỳ và Cơ quan tình báo Pakistan (ISI) một danh sách gồm bảy yêu cầu¹ đề nghị Islamabad hợp tác trong cuộc chiến chống khủng bố. Pakistan, dưới sự lãnh đạo của chính quyền quân sự Musharraf, nhận thấy đây là cơ hội để đưa Pakistan tái hòa nhập vào sân chơi chung của các nước sau một giai đoạn dài chịu các lệnh trừng phạt từ Mỹ và hưởng lợi một lần nữa từ sự giúp đỡ bên ngoài, đã nhanh chóng gạt bỏ những phản đối trong nước và chấp nhận các điều kiện của Mỹ. Ngày

(* Viện Nghiên cứu Châu Mỹ)

12/11/2001, trong chuyến viếng thăm chính thức Mỹ của Tổng thống Pakistan, hai nước đã có Tuyên bố chung nhấn mạnh về sức mạnh của tình hữu nghị "50 năm" giữa Mỹ và Pakistan.

Các biện pháp trừng phạt mà Washington áp đặt với Pakistan đã nhanh chóng được dỡ bỏ, điều này cho phép Islamabad không chỉ nhận được những khoản vay của Mỹ, mà còn có thể gửi binh sĩ đến Mỹ huấn luyện quân sự - điều không thể từ sau năm 1990. Bên cạnh đó, Pakistan còn nhận được rất nhiều trợ giúp từ quốc tế để bù đắp cho những tác động của cuộc khủng hoảng Afghanistan đến nước này.

Ủng hộ cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ nhưng Chính quyền Pakistan vẫn duy trì một chính sách riêng đối với Afghanistan, theo hướng đưa những "người Taliban ôn hòa" vào trong chính phủ đoàn kết dân tộc, tránh để Afghanistan rời khỏi ảnh hưởng của Pakistan. Mỹ không ủng hộ những ý định này của Islamabad. Ngay cả sau khi chiếm được Kabul, Mỹ cũng phản đối ý định của Pakistan đưa nhà lãnh đạo người Pashtun Pir Sayed Gailani lên nắm quyền. Trên thực tế, trong sự hợp tác tương chùng khăng khít, Mỹ vẫn giữ sự cảnh giác cao với chính quyền Musharraf², còn Pakistan quy kết tính hai mặt trong ứng xử của Washington.

Với sự sụp đổ của Taliban, Pakistan đã thực sự mất đi "chiều sâu chiến lược" ở Afghanistan, đặc biệt là so với Ấn Độ. Các mối quan hệ giữa Islamabad và

Kabul đã trở nên khó khăn hơn kể từ khi Taliban thoát ly dần sự ảnh hưởng của Pakistan. Trong quá trình tái thiết ở Afghanistan, Pakistan không có được lợi thế trong kết cấu quyền lực mới.

Như vậy, từ đầu những năm 2000, hợp tác giữa Mỹ - Pakistan đã cho thấy sự sống lại của mô hình quan hệ "có đi có lại" những năm 1980, vốn chịu tác động nhiều từ sức nóng của quan hệ cá nhân Bush - Musharraf giống như Reagan - Zia trước đây. Bên cạnh việc tái hòa nhập của Pakistan, chính quyền Musharraf đã có được ba điều quan trọng: *Thứ nhất* là trong vấn đề phổ biến hạt nhân, Washington đã làm ngưng trệ chương trình hạt nhân của Pakistan bắt chấp những vụ tai tiếng về việc Pakistan chuyển giao công nghệ hạt nhân cho Bắc Triều Tiên (tháng 10/2002) và bán các thiết bị chế tạo vũ khí hạt nhân cho Iran, Bắc Triều Tiên, Iraq và Libya (1/2004). *Thứ hai* là sự đảm bảo với chế độ quân sự do Musharraf đứng đầu. Ông này đã tuyên bố không tuân theo những mệnh lệnh của Tòa án Tối cao Pakistan liên quan đến việc tổ chức bầu cử trong vòng ba năm kể từ khi ông nắm quyền, mà sẽ tiếp tục nắm giữ quyền lực bất kể kết quả bầu cử này thế nào. Tuyên bố này đã không tạo nên sự phản đối, chính thức, cũng như không chính thức, từ Mỹ. *Thứ ba* là những hỗ trợ chưa từng có của Mỹ cho Pakistan. Trong hai nhiệm kỳ của George Bush, từ năm 2002, viện trợ của Mỹ cho Pakistan vào khoảng

1,114 đến 2,043 tỷ USD mỗi năm, tổng cộng là 12,140 tỷ USD trong vòng bảy năm³. Các chi phí liên quan đến an ninh chiếm tỷ lệ khổng lồ: 73,35%. Mỹ đã tài trợ gần một phần tư cho ngân sách quốc phòng của Pakistan trong giai đoạn 2002-2008⁴. Cơ quan tình báo Pakistan (ISI) thậm chí còn được CIA chi trả một phần ba ngân sách⁵.

Chia rẽ trong giai đoạn cuối của chính quyền Bush.

Từ năm 2007, chính quyền Mỹ đã lo ngại về sự bất lực của những nhà cầm quyền Pakistan trong cuộc chiến chống khủng bố, đặc biệt tại Các khu vực Hành chính Bộ lạc Liên bang (FATA), vốn là khu vực lẩn trốn của một số lượng lớn thành viên Taliban và kẻ có chức sắc của Al-Qaeda sau khi chính quyền Taliban ở Kabul sụp đổ. Tháng 9/2008, Mỹ nhận được thêm những tin tức tình báo về việc quan chức cấp cao của ISI bao che cho lực lượng khủng bố⁶. Sự nước đôi của Pakistan trong vấn đề FATA có thể được giải thích như sau: Nhà chức trách Pakistan, người đã đề chế độ Taliban "ra đi" với sự hối tiếc, muốn các lực lượng NATO rút đi càng nhanh càng tốt để có thể đưa Mullah Omar, hoặc một trong các phụ tá của ông lên nắm quyền trở lại. Điều này sẽ giúp Pakistan phục hồi được "chiều sâu chiến lược" và ngăn chặn những người Ấn Độ đặt chân vào Afghanistan với sự giúp đỡ của Karzai.

Mỹ đã gây áp lực lên Pakistan từ năm 2001 để đạt được thỏa thuận triển khai

quân ở FATA. Tuy nhiên, những thỏa thuận này đều đã bị phá vỡ vào năm 2007⁷. Tình báo Mỹ cho rằng các cuộc đàm phán ngừng bắn tại khu vực FATA đã cho Taliban, Al-Qaeda và những kẻ Hồi giáo cực đoan cơ hội để xây dựng lại mạng lưới của mình⁸. Thực tế này, theo Mỹ, phản ánh sự bất lực, nước đôi trong hành động của chính quyền Pakistan. Điều này đã tạo nên sự chia rẽ sâu sắc trong quan hệ song phương.

Một bất đồng khác giai đoạn này chính là sự đẩy mạnh trục quan hệ Ấn Độ - Mỹ. Đầu những năm 2000, người ta chứng kiến sự xích lại gần nhau chưa từng thấy giữa Ấn Độ và Mỹ. Thủ tướng Ấn Độ Atal Bihari Vajpayee (1998-2004) thực hiện một chính sách đối ngoại phụ thuộc nhiều vào Mỹ. Các cuộc tập trận quân sự chung, bao gồm cả trên bộ, trên biển và trên không đã trở thành thường kỳ. Năm 2005, Mỹ và Ấn Độ đã ký kết một thỏa thuận được gọi là "bầu trời mở (*open skies*)" để tăng cường liên kết hàng không giữa hai nước và thiết lập một quan hệ đối tác chiến lược thực sự. Trong chuyến thăm đến Ấn Độ của Tổng thống George Bush, Mỹ đã trao cho Ấn Độ chế độ đặc biệt: mặc dù không ký Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân, nhưng cho phép những chuyên gia giao nhạy cảm (bao gồm cả uranium được làm giàu) đến Ấn Độ vì thành tựu của họ trong lĩnh vực không phổ biến hạt nhân và dân chủ⁹. Điều này có nghĩa 82 lò phản ứng hạt nhân vẫn nằm dưới sự kiểm soát duy nhất của các

nhà chức trách Ấn Độ, những người rất có thể sẽ phát triển kho vũ khí quân sự. Lo ngại đối với Pakistan là rất lớn vì từ lâu tính chất thù địch trong quan hệ Pakistan - Ấn Độ không hề suy giảm. Sự tăng cường quan hệ Ấn - Mỹ đã và sẽ tiếp tục tác động xấu đến quan hệ Mỹ - Pakistan. Điều này góp phần làm cho quan hệ song phương xấu dần đi giai đoạn cuối những năm 2000.

2. Quan hệ Mỹ Pakistan dưới thời Barack Obama.

Từ trước khi bước vào Nhà Trắng, Tổng thống Barack Obama đã rút ra ba kết luận từ những thất bại trong chính sách của Mỹ ở Afghanistan và đối với Pakistan: *Thứ nhất*, Pakistan không chỉ là một phần của giải pháp, mà cũng là một phần của vấn đề ở Afghanistan; *Thứ hai*, đặt cược vào một nhà độc tài như Musharraf trong một chính sách chú trọng vào an ninh tất sẽ đi đến thất bại; *Thứ ba*, nếu Pakistan không có năng lực hoàn thành các hoạt động chống khủng bố thì chính Mỹ sẽ phải tự làm. Vì vậy, sau khi lên nắm quyền, Tổng thống Obama đã theo đuổi một chính sách có nhiều khác biệt với chính quyền tiền nhiệm tại Pakistan.

Phát triển - dân chủ hay an ninh - độc tài?

Ý tưởng về việc Mỹ phải xem xét lại mối quan hệ với Pakistan đã được nhen nhóm trong phe Dân chủ từ trước khi Obama lên nắm quyền lãnh đạo đất nước. Việc Mỹ đề Musharraf ra đi trong

giai đoạn này được đánh giá là xuất phát từ những cân nhắc cả chiến lược và chiến thuật. Từ năm 2007, Musharraf đã không được lòng dân chúng. Mặc dù vậy, Chính quyền Bush tiếp tục ủng hộ Musharraf vì không muốn làm gián đoạn việc thực hiện các chính sách Afghanistan trước khi kết thúc nhiệm kỳ thứ hai của mình. Trong giai đoạn này, tại Pakistan, các phong trào phản đối do giới luật sư dẫn dắt chịu rất nhiều đàn áp khốc liệt, điều này đã gọi lên cảm giác bất an sâu sắc tại nước Mỹ¹⁰

Trong chiến dịch tranh cử năm 2008, Obama đã bày tỏ mong muốn xây dựng lại chính sách ở Nam Á, ông cho rằng Mỹ chỉ có thể bước ra chiến thắng từ vùng lầy Afghanistan nếu tính đến cả các nhân tố mới, đặc biệt là tình hình Kashmir và vấn đề Pakistan. Chính quyền Obama đã đưa ra khái niệm "AfPak" (chi Afghanistan/Pakistan), qua đó nhấn mạnh sự liên hệ chặt chẽ của các vấn đề Afghanistan và Pakistan, mặc dù Pakistan không hề hài lòng khi bị đánh đồng với một nhà nước mới hình thành và phải chịu sự bảo hộ như Afghanistan.

Để vượt qua khủng hoảng Afghanistan và Pakistan, đặc biệt chống lại ảnh hưởng ngày càng tăng của người Hồi giáo trên những đất nước này, Tổng thống Obama đã bắt tay với các chính phủ dân cử. Điều này khác hẳn cách thức làm việc của các chính phủ tiền nhiệm vốn chỉ coi quân đội Pakistan là người đối thoại duy nhất. Trong bài phát

biểu trước quốc gia về chính sách của Mỹ đối với Afghanistan và Pakistan vào tháng 12/2009¹¹, ông đã nói rằng "quan hệ đối tác thực sự với Pakistan là một trong những trọng tâm" trong chiến lược của Mỹ và muốn mang lại cho mối quan hệ này một chiều hướng mới.

Khi gọi lên ở đây các nguồn lực tài chính dành cho phát triển và dân chủ của Pakistan, Obama đã đề cập đến Đạo luật Kerry-Lugar (Ban đầu được biết đến dưới tên gọi Dự luật Tăng cường quan hệ đối tác với Pakistan tháng 7/2008). Từ đầu, nó được xây dựng nhằm phá vỡ cách thức mô tả quan hệ Mỹ - Pakistan như một sự "giao dịch" - ám chỉ sự bảo trợ - và thúc đẩy "một mối quan hệ bền vững, lâu dài và đa chiều với Pakistan"¹². Điều này cho thấy ưu tiên hàng đầu trong sự hỗ trợ của Mỹ với nền chính trị Pakistan không còn là khía cạnh an ninh mà là sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước¹³. Sự giúp đỡ mà Mỹ cam kết dành cho Pakistan theo luật này lên đến 1,5 tỷ USD mỗi năm trong 5 năm liên tiếp. Đồng thời, từ nay, hỗ trợ tài chính dành cho quân đội Pakistan và bán vũ khí hàng năm sẽ được thực hiện với hai điều kiện: quân đội Pakistan phải chứng minh có những "nỗ lực phối hợp" với Mỹ trong cuộc chiến chống lại các nhóm Hồi giáo và không can thiệp vào tiến trình chính trị.

Như vậy, từ năm 2009, chính quyền Obama đã tìm cách phá vỡ cách thức mà Washington tiến hành mối quan hệ với Pakistan. Và điều này được thể hiện rõ

hơn trong tháng 3/2010, khi Hillary Clinton khai mạc Đối thoại chiến lược mới giữa hai nước. Động thái này cho thấy một cách tiếp cận toàn diện hơn của Mỹ trong quan hệ với Pakistan.

Sự trở lại của những ưu tiên an ninh.

Chính sách mới đối với Pakistan của chính quyền Obama đã nhanh chóng gặp phải nhiều khó khăn và mâu thuẫn, trong khít tuyên bố đoạn tuyệt với sự phi dân chủ độc tài và đề cao vai trò của chính quyền dân cử.

Thứ nhất, về vấn đề người đại diện đối thoại với Mỹ. Chính quyền dân sự tại Islamabad vốn được Tổng thống Obama xác định như người đối thoại chính, đã để mất tin nhiệm nhanh chóng. Uy tín của Tổng thống Zardari giảm sút cùng với những tai tiếng về tham nhũng, chế độ cầm quyền gia đình trị, sự thiếu khả năng xây dựng quan hệ công chúng,... Theo một cuộc khảo sát của Pew Center, chỉ có 11% người Pakistan được hỏi ủng hộ Zardari trong năm 2011, so với tỷ lệ 20% năm 2010, 32% năm 2009 và 64% năm 2008¹⁴. Những thất bại của Zardari trong những đấu tranh nội bộ với phe quân sự càng làm Washington thất vọng. Vì vậy, chính quyền của tổng thống Obama đã quay lại hợp tác với giới quân sự. Không chỉ Robert Gates, mà cả Hillary Clinton và Joe Biden đã chọn người đứng đầu quân sự - Tướng Kayani làm đối tác thay thế.

Thứ hai, ngân sách dành cho quân đội Pakistan lại tiếp tục tăng. Nguyên nhân chủ yếu là những quan ngại đến an ninh

của nước Mỹ ngày càng tăng, đặc biệt là sau âm mưu tấn công khủng bố bất thành ở Quảng trường Thời đại của Mỹ năm 2010. Kẻ chủ mưu, Faisal Shazad, vừa trở về từ một chuyến đi năm tháng tới Pakistan, nơi huấn luyện như đã được huấn luyện bởi các tổ chức thánh chiến như Jaish-e-Mohammed. Điều này đã làm khơi dậy một số tình cảm chống Pakistan ở Mỹ và sự e ngại đối với những người Mỹ nhập cư hoặc có nguồn gốc từ khu vực "AfPak"¹⁵. Sự việc này đã củng cố thêm ý nghĩ của người Mỹ rằng "AfPak" là cái nôi của chủ nghĩa khủng bố, những kẻ đã tấn công nước Mỹ tháng 9/2001, và thúc giục Washington đánh giá lại vai trò của vấn đề an ninh trong quan hệ với Pakistan. Đồng thời, quân đội Pakistan ở Bắc và Nam Waziristan luôn gây sức ép với chính quyền Obama để trở thành người đối thoại hàng đầu và xây dựng lại mối quan hệ bảo trợ truyền thống trước đây. Để thể hiện ưu thế của mình, Pakistan không ngần ngại đóng cửa các tuyến đường vào Afghanistan mà NATO sử dụng để tiếp tế cho quân đội khi giai đoạn đàm phán căng thẳng.

Những nguyên nhân này đã thúc đẩy Chính quyền Obama đi ngược lại với tinh thần và nội dung của Đạo luật Kerry-Lugar. Viện trợ cho các vấn đề dân sự của Mỹ năm 2011 chưa đạt đến các mục tiêu của Đạo luật Kerry-Lugar (thiếu 414 triệu USD)¹⁶. Mặt khác, tiền được sử dụng để tài trợ cho các dự án quân sự vẫn chiếm phần lớn và tiếp tục

tăng so với chi phí dành cho dân sự, tăng 45% trong năm 2009, 38,7% năm 2010 và 32,3% năm 2011. Ngoài khoản "ngân sách hoạt động" khá thoải mái, quân đội Pakistan đã nhận được từ Chính quyền Obama nhiều vũ khí nhằm chống lại các cuộc nổi dậy ở FATA. Rất nhiều hợp đồng vũ khí mới đã được ký kết. Ngoài ra, quân đội Pakistan cũng được hỗ trợ các trang thiết bị quân sự và sĩ quan quân đội được đi đào tạo tại Mỹ.

Như vậy, không giống như các cam kết của Obama, đặc biệt là những mong đợi sau sự ra đời của Đạo luật Kerry-Lugar về việc tái cân bằng mối quan hệ Pakistan Mỹ theo hướng chú trọng phát triển kinh tế, vai trò của yếu tố quân sự vẫn tiếp tục chiếm một ưu thế lớn trong quan hệ song phương.

Khủng hoảng của quan hệ song phương đầu năm 2011 và sự cải thiện.

Trong năm 2011, quan hệ giữa Mỹ và Pakistan đã thực sự xấu đi sau những mâu thuẫn trong rất nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động chống khủng bố của Mỹ. Việc Mỹ bí mật triển khai kế hoạch Genonimo tiêu diệt Bin Laden như giọt nước tràn ly khiến quan hệ song phương đi vào khủng hoảng.

Sự hiện diện của Bin Laden ở Abbottabad đã khiến người Mỹ không khỏi đặt câu hỏi: hoặc là Islamabad đã nhận thức được sự hiện diện của Osama Bin Laden trên đất của họ và đã bao che; hoặc nước này hoàn toàn không biết gì, điều này đồng nghĩa với sự bất lực của đồng minh Pakistan trong cuộc

chiến chống khủng bố. Dù là trường hợp nào, khoản viện trợ lên đến vài tỷ USD mỗi năm mà Mỹ dành cho Pakistan đều đáng phải xem xét lại.

Một chuỗi những sự kiện sau đó đã thúc đẩy Mỹ thực hiện sự cắt giảm này, như việc tên của người đứng đầu mới của CIA ở Islamabad đã bị tiết lộ trên trang nhất của nhật báo thân với ISI là The Nation¹⁷. Sau đó là cuộc tấn công vào căn cứ hải quân ở Karachi ngày 22/5 do lực lượng al-Qaeda tiến hành được tiết lộ là có sự đồng lõa từ bộ phận quân đội Pakistan. Sau những sự kiện này, Tổng thống Barack Obama đã quyết định đình chỉ, hoặc hủy bỏ một phần ba viện trợ quân sự của Mỹ cho Pakistan từ ngày 9/7/2011. Tuy nhiên, biện pháp này vẫn chیمang tính chất cảnh cáo vì các chuyến giao thiết bị quân sự trong đó có vũ khí - bắt đầu với máy bay F-16 - không bị hủy bỏ.

Sự căng thẳng giữa Pakistan và Mỹ tiếp tục gia tăng sau cuộc tấn công khủng bố tại Đại sứ quán Mỹ và trụ sở chính của NATO tại Kabul ngày 13/9/2011. Cuộc tấn công này được phía Mỹ quy trách nhiệm cho mạng lưới Haqqani. Như một hệ quả của cuộc tấn công này, Quốc hội Mỹ sau đó đã đưa ra quyết định sửa đổi Đạo luật Kerry-Lugar vào ngày 23/9/2011, theo đó "sẽ không có viện trợ cho Pakistan trừ khi Ngoại trưởng Mỹ xác nhận rằng Pakistan đang đạt được những tiến bộ trong việc thực hiện những mục tiêu hỗ trợ Mỹ đã được chỉ ra trong Báo cáo Hồ

trợ Chiến lược Pakistan [...]"¹⁸ Trong tháng 12/2011, đáp lại việc Pakistan đóng cửa các tuyến đường đến Afghanistan sau vụ Mỹ bắn nhầm vào quân Pakistan ở Salala, Quốc hội Mỹ đã thông qua Đạo luật Ủy nhiệm Quốc phòng (NDAA) cứng rắn hơn nữa trong các điều kiện cấp viện trợ Pakistan. Đặc biệt, NDAA dự kiến sẽ "đóng băng 60% các khoản tín dụng mà Lầu Năm Góc quản lý dành cho Quỹ chống nổi dậy Pakistan (PCF) trong năm 2012 nếu Bộ trưởng Quốc phòng không đưa ra được trước Quốc hội chiến lược cho việc sử dụng các quỹ này, các tiêu chí đánh giá hiệu quả, cũng như các chiến lược của Pakistan để chống lại các thiết bị nổ tự tạo (IED)"¹⁹

Về phía Pakistan, nước này cũng đã có những phản ứng quyết liệt trước các hành động của Mỹ sau vụ tiêu diệt Bin Laden. Quốc hội Pakistan sau nhiều tranh cãi đã đưa ra lộ trình "Hướng dẫn các Điều khoản sửa đổi Cam kết với Mỹ/NATO/ISAF²⁰ và Chính sách Đối ngoại chung". Văn bản này được thông qua ngày 12/4/2012, nhấn mạnh: "*Quan hệ với Mỹ phải được dựa trên sự tôn trọng lẫn nhau về chủ quyền, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ; Ảnh hưởng của Mỹ nên được giảm bớt. Điều này liên quan đến (i) chấm dứt ngay các cuộc tấn công của các máy bay không người lái tại biên giới của Pakistan, (ii) chấm dứt việc xâm nhập vào lãnh thổ Pakistan dưới bất kỳ lý do nào, (iii) cấm sử dụng không phận Pakistan để vận chuyển vũ*

khí và đạn được đến Afghanistan; Chương trình hạt nhân của Pakistan và các thiết bị hạt nhân mà Pakistan có không phải là mục tiêu của bất kỳ xem xét nào, kể cả liên quan đến an ninh và an toàn của Mỹ. Các thỏa thuận hạt nhân giữa Mỹ và Ấn Độ đã làm thay đổi đáng kể cán cân lực lượng trong khu vực, do đó, Pakistan phải đạt được những điều kiện tương tự với Mỹ".

Ngoài ra, Quốc hội Pakistan đòi Mỹ "xin lỗi vô điều kiện" vì cuộc tấn công ở Salala gây ra cái chết của hai mươi bốn lính Pakistan, và nhấn mạnh "sẽ không một nhân viên an ninh tư nhân và/hoặc nhân viên tình báo nào được phép hoạt động" trên lãnh thổ Pakistan.

Sau khi bản "Hướng dẫn" này được thông qua, đàm phán giữa hai bên ngay lập tức đã được nối lại. Tổng thống Obama đã chỉ định Marc Grossman đến Islamabad làm người liên lạc chính với Ủy ban Quốc phòng Nội các của Pakistan (DCC). Hai bên nhất trí không đề cập đến vấn đề máy bay tấn công không người lái, vốn là chủ đề mà Mỹ kiên quyết không thương lượng. Các cuộc thảo luận tập trung chủ yếu vào số tiền bồi thường theo yêu cầu của Islamabad đòi lấy việc mở lại các tuyến đường đến Afghanistan với con số được nêu ra khoảng 1,8-3 tỷ USD²¹

Sau một giai đoạn dài căng thẳng, cuối cùng vào tháng 7/2012, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton, trong cuộc hội đàm với người đồng nhiệm Pakistan Hina Khar Rabbani, với mong muốn đưa

quan hệ đồng minh trở lại quỹ đạo sau hàng loạt những vấn đề rắc rối xảy ra giữa hai nước thời gian qua, đã chủ động xin lỗi phía Pakistan về việc Mỹ bắn chết 24 binh sĩ Pakistan hồi tháng 11/2011. Đòi lại phía Pakistan cũng đã đồng ý nhượng bộ trong việc cho phép Mỹ và NATO sử dụng các tuyến đường qua lãnh thổ mình tiếp cận Afghanistan²². Pakistan một lần nữa lại nhận được những khoản tài trợ từ Quỹ Hỗ trợ Liên minh vốn đã bị Mỹ đình chỉ lại sau khủng hoảng quan hệ song phương.

Trong thời gian gần đây, đặc biệt là sau khi cuộc "chuyển giao lịch sử" giữa hai chính quyền dân cử ở Pakistan diễn ra suôn sẻ vào năm 2013 đưa Thủ tướng Nawaz Sharif lên nắm quyền, Pakistan đã bắt tay vào nhiều sáng kiến hỗ trợ cho lợi ích của Mỹ trong khu vực. Đặc biệt, sau vụ tấn công đẫm máu nhất trong lịch sử Pakistan ngày 16/12/2014 vào trường Peshawar, trong đó Taliban đã giết chết 145 người, gồm 132 trẻ em. Sự kiện này đã khiến Chính phủ Pakistan quyết tâm mạnh tay hơn với khủng bố. Kế hoạch hành động quốc gia (NAP) nhằm loại trừ chủ nghĩa khủng bố ngay lập tức được xây dựng trong tháng 12/2014. Vào tháng 1/2015, Pakistan đã bắt đầu củng cố quan hệ quân sự với Afghanistan thông qua tăng cường an ninh biên giới. Cũng phù hợp với lợi ích của Mỹ trong khu vực, Pakistan đã theo đuổi mối quan hệ thân thiện hơn với Ấn Độ bằng việc nối lại các cuộc đối thoại về các vùng biên

giới đang tranh chấp căng thẳng Jammu và Kashmir.

Tuy nhiên, có một thực tế khác mà Mỹ cũng phải tính đến đó là những rào cản với quyết tâm chống khủng bố của Pakistan. Bộ Nội vụ Pakistan đã công bố một báo cáo về tiến triển của NAP 2014, trong đó tiết lộ những tiến bộ nghèo nàn, sự thông tin sai lệch và phá hoại tổ chức một cách có hệ thống trong hoạt động của Kế hoạch này. Ngoài ra, sự mất lòng tin lâu dài giữa Cục tình báo dân sự và tổ chức quân sự hàng đầu ISI thường khiến việc thông tin liên lạc và triển khai hoạt động không hiệu quả. Ngoài ra, các sáng kiến của Pakistan ủng hộ lợi ích của Mỹ cũng đang bị lu mờ rất nhiều khi quan hệ Pakistan - Trung Quốc và Pakistan - Nga được tăng cường. Trong khi đó, quan hệ với Ấn Độ chịu ảnh hưởng xấu khi Pakistan tìm cách gia tăng kho vũ khí quân sự của mình thông qua các vụ thử tên lửa đầu năm 2015.

3. Một vài nhận định.

Ở khu vực Nam Á, quan hệ của Mỹ đối với Pakistan được đánh giá là mối quan hệ lâu đời và gần gũi nhất. Từ đồng minh trong Chiến tranh Lạnh cho đến đồng minh trong cuộc chiến khủng bố, hai nước đã xây dựng được một quan hệ hợp tác chặt chẽ trên nhiều lĩnh vực và vẫn đang tiếp tục tìm kiếm những cơ sở mới cho sự hợp tác chiến lược trong tương lai. Hợp tác trong lĩnh vực an ninh quân sự có thể được xem là

khía cạnh được chú trọng và hiệu quả nhất, hợp tác về chính trị cũng rất phát triển và hợp tác kinh tế cũng đã được quan tâm.

Tuy nhiên, kể từ giai đoạn mới thiết lập cho đến nay, quan hệ Mỹ - Pakistan cũng cho thấy sự thăng trầm và kém ổn định. Sau năm 2001, mối quan hệ vẫn không thoát khỏi đặc trưng này. Thực tế, cả hai phía luôn sử dụng lẫn nhau cho những mục tiêu hẹp mang tính chiến thuật của riêng mình. Nhìn lại lịch sử, kể từ khi Pakistan giành độc lập vào năm 1947, Washington đã coi đất nước này như một phương tiện để chấm dứt dù là chủ nghĩa cộng sản hay chủ nghĩa khủng bố. Mặc dù luôn phàn nàn rằng Mỹ không phải là một người bạn thực sự, trên thực tế Pakistan cũng đã lợi dụng Mỹ. Những nhà lãnh đạo Pakistan sử dụng tiền của Mỹ để phục vụ cho mục đích của họ. Trên tất cả, quân đội Pakistan xem mối quan hệ với Mỹ như một phương tiện để cân bằng chống lại Ấn Độ. Một khi sự ủng hộ này không còn, Islamabad cũng nhanh chóng tìm giải pháp khác: gần gũi với Trung Quốc, tìm kiếm một chương trình vũ khí hạt nhân độc lập, và thậm chí dung dưỡng cho những phần tử nổi dậy và khủng bố chống Ấn Độ. Mối quan hệ dựa trên những cơ sở thiếu vững chắc, và đặc biệt là sự thiếu lòng tin lẫn nhau, vì vậy luôn gặp không ít trắc trở.

Trong tương lai gần, quan hệ với Pakistan vẫn sẽ là một trong những trục quan hệ chính của Washington tại Nam

Á. Mặc dù vừa trải qua một cuộc khủng hoảng trầm trọng trong năm 2011-2012, mối quan hệ này đã được cải thiện dần và đang đi vào ổn định. Mỹ sẽ vẫn phải tập trung vào Pakistan vì những quan tâm của Mỹ gắn với chủ nghĩa khủng bố, ngày nào chủ nghĩa khủng bố chưa bị tiêu diệt, và Pakistan vẫn là mảnh đất bất ổn cho khủng bố trú ẩn, thì những liên quan và hợp tác giữa Mỹ và Pakistan vẫn tồn tại. Mặc dù vậy, cũng không thể phủ nhận rằng mối quan hệ này đã giảm sút nhiều so với đầu những năm 2000. Giảm sút ở đây chính là mức độ kỳ vọng lẫn nhau không còn lớn như trước. Giống như phân tích của Daniel S. Markey²³ sau gần 1,5 thập kỷ kể từ khi nổi lại quan hệ, chống khủng bố chứ không phải bất cứ vấn đề nào khác vẫn gắn kết Mỹ và Pakistan trên một con đường. Tuy nhiên, mối quan hệ này đã không còn mặn nồng như giai đoạn ban đầu. Vượt qua rất nhiều mâu thuẫn, căng thẳng, khủng hoảng, hai nước nhận thấy rằng không thể trông đợi quá nhiều vào nhau, và buộc phải hạ thấp những kỳ vọng của mình đối với mối quan hệ này. Rất nhiều những kịch bản có thể đến với quan hệ Mỹ - Pakistan, tuy nhiên, trong tương lai gần, hai quốc gia vẫn sẽ duy trì trạng thái đã được định hình hiện nay, đó là học cách bằng lòng và chấp nhận nhau ■

Chú thích:

1. Dùng hoạt động Al-Qaeda ở biên giới Afghanistan - Pakistan và kết thúc tất cả các hình thức hỗ trợ hậu cần cho Bin Laden; 2)

Cấp cho Mỹ quyền bay qua và hạ cánh trên lãnh thổ của Pakistan đối với các nhu cầu quân sự và tình báo; 3) Cung cấp cho Hoa Kỳ những thông tin tình báo của Pakistan; 4) Cho phép các hoạt động tình báo quân sự và các hoạt động khác của Mỹ và các đồng minh tại lãnh thổ Pakistan tiến hành các hoạt động chống lại al-Qaeda; 5) Tiếp tục công khai lên án những hành động khủng bố; 6) Chặn tất cả các nguồn cung cấp nhiên liệu cho Taliban và ngăn chặn các nhà hoạt động tới Afghanistan; 7) Nếu Taliban tiếp tục bảo vệ Bin Laden và al-Qaeda, chấm dứt hẳn quan hệ với chính quyền của họ. Xem tại *The 9/11 Commission Report*, New York, W. W. Norton and Co, tr.331.

2 Ahmed Rashid, «Post-Taliban order is a source of concern for Pakistan» (eurasianet.org, 25 octobre 2001)

3 Christophe Jaffrelot, "La relation Pakistan - Etats-Unis un patron et son client au bord de la rupture?" *Les Etudes du CERI* - n° 187 - 9/2012, tr15

4 D. Rode, C. Gall, E. Schmitt et D. E. Sanger, «US officials see waste in billions sent to Pakistan», *The New York Times*, 24/12/2007.

5.G Miller, «CIA pays for support in Pakistan» *The Los Angeles Times*, 15/11/ 2010

6.T. Ali, *The Duel. Pakistan on the Flight Path of American Power*, Londres, Pocket Books, 2008, tr 209. Tanq Ali cũng trích dẫn câu nói đã được chứng thực của Musharraf với Chavez: "Ngài quá thù địch đối với người Mỹ Hãy làm như tôi. Chấp nhận điều họ nói và làm theo cách ngài hiểu" (K. A. Kronstadt, *Pakistan US Relations. Congressional Research Service Report for Congress*, Washington, CRS, 2009, trang 147).

7 H Abbas, «An assessment of Pakistan's peace agreements with militants in Waziristan (2004-2008)», in D. Gartenstein-Ross et C D May (eds), *The Afghanistan-Pakistan Theater. Militant Islam, Security and Stability*, Washington DC, FDD Press, 2010, tr.12

- 8.K. A. Kronstadt, *Pakistan-US Relations Congressional Research Service Report for Congress*, Washington, CRS, 2009, tr 55.
9. Với điều kiện Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) có quyền tiếp cận cho đến 201465% các cơ sở hạt nhân của nước này, để xác minh rằng công nghệ kép không được sử dụng cho mục đích quân sự.
- 10.K. A. Kronstadt, *Pakistan-US Relations Congressional Research Service Report for Congress*, Washington, CRS, 2009, tr.78
- 11 «Obama's address to the nation on the way forward in Afghanistan and Pakistan, December 2009», Council on Foreign Relations: <http://www.cfr.org/pakistan/obamas-address-nation-way-forward-afghanistan-pakistan-december-2009/p20871>.
- 12.K. A. Kronstadt, *Pakistan-US Relations Congressional Research Service Report for Congress*, Washington, CRS, 2009, tr 85
- 13 Xem tại: <http://www.iberians.com/2009/10/03/full-text-kerry-lugar-bill-details-conditions/> hoặc <http://pakistanat.com/2009/10/07/full-text-kerry-lugar-bill/>
- 14.«Pakistani public opinion ever more critical of US», 27/6/2012: <http://www.pewglobal.org/2012/06/27/pakistani-public-opinion-ever-more-critical-of-u-s/>
- 15 P. Cruickshank, *The Militant Pipeline*, Washington, The New American Foundation, 2/2010.
- 16 S. B. Epstein, «Pakistan: US Foreign assistance», *Congressional Research Service*, 10/4/2010, p. 2
- 17.J. Perlez, «CIA Officer is unmasked as Pakistan vents anger», *International Herald Tribune*, 10/5/2011.
- 18.S. B. Epstein et K. A. Kronstadt, «Pakistan: US Foreign assistance», p. 3
- 19.S. B. Epstein et K. A. Kronstadt, «Pakistan: US Foreign assistance», p. 2
- 20 Lực lượng Hỗ trợ An ninh Quốc tế International Security Assistance Force.
21. Xem "DCC go-ahead for resetting Pak-US ties", *Dawn*, 18/4/ 2012, tr 1.
- 22 Pakistan đã đồng ý hủy bỏ dự định thu tiền thông quan 5000 USD/ mỗi xe tải của NATO, mà quay trở lại mức 250 USD. Như vậy, Mỹ có thể cắt giảm được chi phí lên đến 100 triệu USD bổ sung mỗi tháng kể từ tháng 11/2011 vì phải mượn đường hàng không tiếp cận Afghanistan
23. Chuyên gia về chính sách đối ngoại của Mỹ ở Nam Á, thuộc Hội đồng quan hệ đối ngoại Hoa Kỳ - CRS